

Số: 262 /QĐ-STC

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của Sở Tài chính

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH HẢI PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của Sở Tài chính (theo biểu đính kèm).

Hình thức công khai: trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các phòng thuộc Sở và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- GD, các PGD;
- Công TTĐT Sở;
- Như Điều 3;
- Lưu: KT, VP.

GIÁM ĐỐC

Lương Văn Công

Đơn vị: Sở Tài chính Hải Phòng

Mã quan hệ ngân sách: 1048999

Chương: 418

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 262 /QĐ-STC ngày 31/12/ 2024 của Giám đốc Sở Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A.	Dự toán chi ngân sách nhà nước	26.780
I.	Nguồn ngân sách trong nước	26.780
1.	Chi quản lý hành chính	26.510
1.1.	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	21.791
	- <i>Kinh phí theo định mức thường xuyên</i>	15.314
	- <i>Kinh phí tăng lương cơ sở (từ 1.490.000 đồng lên 2.340.000 đồng)</i>	6.477
1.2.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.719
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.134
	Chi chuyên môn nghiệp vụ	3.585
2.	Kinh phí Hội đồng thẩm định giá tài sản (giá đất)	270

